

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo kết quả công tác soát xét	5
4. Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2010	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010	13 - 32

Số:/2010/BCTC-KTTV-KT3

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT
VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH 6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2010
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH NGẦM

Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁC CỔ ĐÔNG

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Công ty Cổ phần Xây dựng công trình ngầm gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010, được lập ngày ... tháng ... năm 2010, từ trang 6 đến trang 32 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về Báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Giám đốc

Kiểm toán viên

Nguyễn Hoàng Đức

Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0368/KTV

Bùi Thị Ngọc Lân

Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0300/KTV

Lập, ngày ... tháng ... năm 2010.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH NGẦM

Địa chỉ: Tầng 11 tòa nhà Vinaconex 9, lô HH2, đường Phạm Hùng, Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2010

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		381,719,881,783	354,750,192,458
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	27,492,130,858	5,809,353,581
1. Tiền	111		23,092,130,858	5,809,353,581
2. Các khoản tương đương tiền	112		4,400,000,000	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		4,779,753,100	3,929,753,100
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	6,664,506,202	5,814,506,202
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129	V.3	(1,884,753,102)	(1,884,753,102)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		188,108,804,049	213,189,443,029
1. Phải thu khách hàng	131	V.4	137,518,355,194	154,829,358,136
2. Trả trước cho người bán	132	V.5	46,560,465,555	54,446,418,640
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.6	4,029,983,300	3,913,666,253
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		145,273,164,376	122,824,228,325
1. Hàng tồn kho	141	V.7	145,273,164,376	122,824,228,325
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		16,066,029,400	8,997,414,423
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		2,960,207,449	66,713,126
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.8	13,105,821,951	8,930,701,297

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH NGẦM

Địa chỉ: Tầng 11 tòa nhà Vinaconex 9, lô HH2, đường Phạm Hùng, Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		165,098,762,882	164,541,996,103
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		47,704,948,928	54,238,308,941
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.9	47,704,948,928	54,238,308,941
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		74,509,884,154	83,657,825,252
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	74,427,984,975	83,514,491,919
<i>Nguyên giá</i>	222		165,004,467,308	165,176,419,569
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(90,576,482,333)	(81,661,927,650)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	81,899,179	143,333,333
<i>Nguyên giá</i>	228		591,604,920	591,604,920
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(509,705,741)	(448,271,587)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		36,365,088,270	23,196,023,270
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.12	18,227,565,000	13,808,500,000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.13	18,137,523,270	9,387,523,270
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		6,518,841,530	3,449,838,640
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	6,518,841,530	3,349,838,640
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.15	-	100,000,000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		546,818,644,665	519,292,188,561

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH NGẦM

Địa chỉ: Tầng 11 tòa nhà Vinaconex 9, lô HH2, đường Phạm Hùng, Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		440,339,478,150	413,982,463,317
I. Nợ ngắn hạn	310		383,459,261,242	374,602,246,409
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.16	106,858,608,345	94,958,962,770
2. Phải trả người bán	312	V.17	102,339,153,601	166,844,190,622
3. Người mua trả tiền trước	313	V.18	136,535,663,856	89,898,355,785
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.19	7,112,985,565	6,633,150,422
5. Phải trả người lao động	315		8,896,963,653	11,521,248,894
6. Chi phí phải trả	316	V.20	11,497,017,221	3,036,971,324
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.21	9,811,204,726	1,411,368,317
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.22	407,664,275	297,998,275
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		56,880,216,908	39,380,216,908
1. Phải trả dài hạn người bán	331	V.23	36,375,908,824	36,375,908,824
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.24	20,307,634,574	2,807,634,574
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		196,673,510	196,673,510
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		106,479,166,515	105,309,725,244
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.25	106,479,166,515	105,309,725,244
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		48,850,000,000	48,850,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		46,045,240,000	46,045,240,000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		(3,657,463,682)	(3,657,463,682)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(182,276,673)	(1,359,378,086)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		5,142,333,119	3,880,361,623
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		1,205,057,893	1,100,553,893
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		9,076,275,858	10,450,411,496
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		546,818,644,665	519,292,188,561

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH NGẦM

Địa chỉ: Tầng 11 tòa nhà Vinaconex 9, lô HH2, đường Phạm Hùng, Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại:			
Dollar Mỹ (USD)		21.74	27.96
Euro (EUR)		124.66	271.53
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Lập, ngày ... tháng ... năm 2010

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Cao Thúy Hà

Nguyễn Huy Tường

Nguyễn Thanh Hoàn

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH NGẦM

Địa chỉ: Tầng 11 tòa nhà Vinaconex 9, lô HH2, đường Phạm Hùng, Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	130,561,257,101	179,034,920,224
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		130,561,257,101	179,034,920,224
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	112,773,613,175	162,374,037,962
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		17,787,643,926	16,660,882,262
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	12,419,360,481	930,085,039
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	10,865,895,346	5,230,110,726
Trong đó: chi phí lãi vay	23		9,381,974,831	5,144,542,350
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.5	7,784,133,228	5,190,545,703
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		11,556,975,833	7,170,310,872
11. Thu nhập khác	31	VI.6	748,869,318	990,411,333
12. Chi phí khác	32	VI.7	510,085,138	445,233,347
13. Lợi nhuận khác	40		238,784,180	545,177,986
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		11,795,760,013	7,715,488,858
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		2,719,484,155	3,031,749,143
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>9,076,275,858</u>	<u>4,683,739,715</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	<u>1,786</u>	<u>972</u>

Lập, ngày ... tháng ... năm 2010

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Cao Thúy Hà

Nguyễn Huy Tường

Nguyễn Thanh Hoàn

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH NGẦM

Địa chỉ: Tầng 11 tòa nhà Vinaconex 9, lô HH2, đường Phạm Hùng, Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		11,795,760,013	7,715,488,858
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02		10,893,492,653	10,955,536,288
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		182,276,673	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1,228,300,138)	(800,390,229)
- Chi phí lãi vay	06		9,381,974,831	5,144,542,350
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		31,025,204,032	23,015,177,267
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		27,010,120,568	(17,426,218,195)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(22,448,936,051)	(35,327,028,241)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(3,152,296,742)	41,234,770,731
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(3,169,002,890)	(3,530,246,506)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(7,892,756,894)	(4,720,380,737)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(356,472,491)	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		288,506,357	695,000,000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(5,913,115,576)	(3,188,421,127)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		15,391,250,313	752,653,192
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(2,246,605,567)	(6,097,884,699)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		595,171,818	(223,000,000)
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(850,000,000)	(350,000,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	375,000,000
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(13,169,065,000)	(250,000,000)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	9,540,599,294
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1,228,300,138	875,495,264
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(14,442,198,611)	3,870,209,859

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH NGẦM

Địa chỉ: Tầng 11 tòa nhà Vinaconex 9, lô HH2, đường Phạm Hùng, Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		119,166,242,919	86,942,947,141
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(89,766,597,344)	(76,717,833,572)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(8,665,920,000)	(8,665,920,000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<u><i>20,733,725,575</i></u>	<u><i>1,559,193,569</i></u>
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		21,682,777,277	6,182,056,620
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	5,809,353,581	15,809,973,043
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại t	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	<u>27,492,130,858</u>	<u>21,992,029,663</u>

Lập, ngày ... tháng ... năm 2010

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Cao Thúy Hà

Nguyễn Huy Tường

Nguyễn Thanh Hoàn

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH NGẦM

Địa chỉ: Tầng 11 tòa nhà Vinaconex 9, lô HH2, đường Phạm Hùng, Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

- 1. Hình thức sở hữu vốn** : Công ty Cổ phần
- 2. Lĩnh vực kinh doanh** : Xây dựng và thương mại
- 3. Hoạt động kinh doanh chính trong kỳ** : Thi công xây lắp các công trình ngầm, dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện, cấp thoát nước, đường dây, trạm biến áp đến 110KV; Kinh doanh máy móc, thiết bị, vật tư, phụ tùng trong xây dựng và vật liệu xây dựng.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán trên máy tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH NGẦM

Địa chỉ: Tầng 11 tòa nhà Vinaconex 9, lô HH2, đường Phạm Hùng, Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Chi phí sản xuất kinh doanh (SXKD) dở dang cuối kỳ hoạt động xây lắp được xác định như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Chi phí SXKD} \\ \text{dở dang cuối kỳ} \\ \text{từng công trình} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá trị sản lượng thực hiện} \\ \text{dở dang cuối kỳ (không bao} \\ \text{gồm thuế GTGT, phí Ban} \\ \text{điều hành, phí quản lý)} \end{array} \times \{1 - \text{Tỷ lệ lãi định mức (\%)}\}$$

Hàng gửi bán là vật tư hàng hóa cung cấp cho các nhà thầu phụ phục vụ cho công trình đang thi công của Công ty nhưng do chưa quyết toán nên chưa phát hành hóa đơn và ghi nhận doanh thu.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập dựa vào khả năng đánh giá về khả năng thu hồi của từng khoản nợ.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại TSCĐ</u>	<u>Số năm</u>
Máy móc và thiết bị	8-12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3-10

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH NGẦM

Địa chỉ: Tầng 11 tòa nhà Vinaconex 9, lô HH2, đường Phạm Hùng, Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

6. Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao từ 2 đến 3 năm.

7. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong năm.

8. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

9. Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

10. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

11. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ là thuế thu nhập hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng tại ngày cuối kỳ. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

12. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối kỳ. Việc xử lý chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối kỳ được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư 201/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

- Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư cuối kỳ của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản nợ phải thu, phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán (chỉ tiêu Chênh lệch tỷ giá hối đoái) và được ghi bút toán ngược lại để xóa số dư vào đầu kỳ sau.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH NGẦM

Địa chỉ: Tầng 11 tòa nhà Vinaconex 9, lô HH2, đường Phạm Hùng, Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ phải thu, phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại thời điểm ngày: 30/6/2010 : 18.544 VND/USD
: 22.959 VND/EUR

13. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Khi bán hàng hóa, doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc năm tài chính.

Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

14. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận khi khối lượng công việc hoàn thành theo công trình hoặc hạng mục công trình có Biên bản nghiệm thu khối lượng xây lắp hoàn thành được chủ đầu tư xác nhận và chấp nhận thanh toán.

15. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Các quỹ được trích lập theo Điều lệ của Công ty.

16. Cổ phiếu quỹ

Khi cổ phần trong vốn chủ sở hữu được mua lại, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu.

17. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả trong kỳ cổ tức được công bố.

18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Các bên có liên quan với Công ty được trình bày ở thuyết minh VII.1.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH NGẦM

Địa chỉ: Tầng 11 tòa nhà Vinaconex 9, lô HH2, đường Phạm Hùng, Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	2.079.097.762	694.610.615
Tiền gửi ngân hàng	20.463.033.096	5.114.742.966
Tiền đang chuyển	550.000.000	-
Các khoản tương đương tiền	4.400.000.000	-
Cộng	27.492.130.858	5.809.353.581

2. Đầu tư ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Cho vay ngắn hạn:		
Công ty Cổ phần Đầu tư sản xuất vật liệu mới	1.177.935.369	1.177.935.369
Công ty Cổ phần TM&DV Quốc tế An Thịnh	2.360.000.000	2.360.000.000
Công ty TNHH Pha lê C&C Hà Nội	290.000.000	290.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng công trình Công nghiệp	120.000.000	120.000.000
Công ty Cavico Xây lắp điện	141.570.833	141.570.833
Công ty Cổ phần đa phương tiện truyền thông Vinaco	150.000.000	150.000.000
Công ty Cổ phần Ứng dụng công nghệ CNC Việt Nam	1.800.000.000	800.000.000
Công ty CP ĐT và PT Công nghệ Thông tin Vinavico Infortech	-	100.000.000
Các cá nhân khác	625.000.000	675.000.000
Tổng	6.664.506.202	5.814.506.202

3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

Dự phòng được trích lập cho các khoản cho vay đã quá hạn thanh toán, bao gồm:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Đầu tư sản xuất vật liệu mới	428.967.685	428.967.685
Công ty Cổ phần TM&DV Quốc tế An Thịnh	1.180.000.000	1.180.000.000
Công ty TNHH Pha lê C&C Hà Nội	145.000.000	145.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng công trình Công nghiệp	60.000.000	60.000.000
Công ty Cavico Xây lắp điện	70.785.417	70.785.417
Cộng	1.884.753.102	1.884.753.102

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH NGẦM

Địa chỉ: Tầng 11 tòa nhà Vinaconex 9, lô HH2, đường Phạm Hùng, Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**4. Phải thu khách hàng**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Là phải thu về hoạt động xây lắp	137.518.355.194	154.829.358.136

5. Trả trước cho người bán

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ứng trước khối lượng xây lắp cho nhà thầu phụ	20.125.433.249	22.713.934.569
Ứng trước cho nhà cung cấp hàng hóa, dịch vụ	26.435.032.306	31.732.484.071
Cộng	46.560.465.555	54.446.418.640

6. Các khoản phải thu khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Năng lượng Vinavico	3.404.659.000	3.404.659.000
Lãi dự thu các khoản cho vay ngắn hạn	402.831.501	277.029.834
Phải thu cán bộ CNV tiền bảo hiểm xã hội	41.389.648	41.389.648
Phải thu cán bộ CNV tiền bảo hiểm thất nghiệp	12.970.820	22.455.440
Các khoản phải thu khác	168.132.331	168.132.331
Cộng	4.029.983.300	3.913.666.253

7. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Hàng mua đang đi trên đường	374.267	193.709.475
Nguyên liệu, vật liệu	15.252.717.889	15.133.422.752
Công cụ, dụng cụ	342.894.956	281.556.541
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	127.699.879.180	105.146.201.090
Hàng hóa	235.119.435	32.060.038
Hàng gửi đi bán	1.742.178.649	2.037.278.429
Cộng	145.273.164.376	122.824.228.325

8. Tài sản ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tạm ứng	4.617.319.568	3.467.835.466
Thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	7.927.602.383	5.462.865.831
Tài sản thiếu chờ xử lý	560.900.000	-
Cộng	13.105.821.951	8.930.701.297

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH NGẦM

Địa chỉ: Tầng 11 tòa nhà Vinaconex 9, lô HH2, đường Phạm Hùng, Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**9. Phải thu dài hạn của khách hàng**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ban điều hành dự án Bản Vẽ	8.989.936.935	6.672.885.000
Ban điều hành dự án Srêpok 3	1.131.462.828	1.131.462.828
Ban điều hành dự án Bản Chát	8.327.104.760	12.080.501.926
Ban điều hành dự án Cửa Đạt	866.112.845	1.530.858.913
Tổng Công ty Xây dựng số 1 - dự án Đắktìh	7.058.252.132	15.703.785.959
Công ty Neddi 2 - dự án Ngòi Phát	2.347.550.836	2.667.968.922
Ban điều hành dự án Nho Quế	5.202.498.216	3.996.958.933
Tổng Công ty lắp máy Việt Nam	4.731.532.028	4.217.574.127
Công ty CP Điện Vietracimex Lào Cai	4.141.117.174	1.147.630.809
Ban điều hành dự án Hủa Na	-	179.300.350
Ban điều hành dự án Bản Vẽ	4.909.381.174	4.909.381.174
Cộng	47.704.948.928	54.238.308.941

10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	142.492.740.193	21.131.240.043	1.552.439.333	165.176.419.569
Tăng do mua sắm mới	1.999.208.501	-	247.397.066	2.246.605.567
Giảm do thanh lý	(655.481.318)	(1.763.076.510)	-	(2.418.557.828)
Số cuối kỳ	143.836.467.376	19.368.163.533	1.799.836.399	165.004.467.308
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	69.745.351.860	10.852.681.097	1.063.894.693	81.661.927.650
Tăng do trích khấu hao	9.762.547.954	887.745.249	181.765.296	10.832.058.499
Giảm do thanh lý	(419.448.215)	(1.498.055.601)	-	(1.917.503.816)
Số cuối kỳ	79.088.451.599	10.242.370.745	1.245.659.989	90.576.482.333
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	72.747.388.333	10.278.558.946	488.544.640	83.514.491.919
Số cuối kỳ	64.748.015.777	9.125.792.788	554.176.410	74.427.984.975

Tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2010, một số tài sản cố định hữu hình là phương tiện vận tải và máy móc thiết bị đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại các ngân hàng, gồm:

	Nguyên giá	Giá trị còn lại
Ngân hàng NN và Phát triển Nông thôn Việt Nam	32.915.902.043	8.827.587.205
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển - CN Đaklak	25.935.339.437	178.524.349
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Hoàng Quốc Việt	37.849.706.218	33.922.570.723
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	32.486.068.474	22.431.558.812
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển - CN Thăng Long	2.530.649.999	1.966.961.160
Cộng	131.717.666.171	67.327.202.249

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH NGẦM

Địa chỉ: Tầng 11 tòa nhà Vinaconex 9, lô HH2, đường Phạm Hùng, Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

11. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy vi tính	Tài sản vô hình khác	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	447.604.920	144.000.000	591.604.920
Số cuối kỳ	447.604.920	144.000.000	591.604.920
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	304.271.587	144.000.000	448.271.587
Tăng trong năm do khấu hao	61.434.154	-	61.434.154
Số cuối kỳ	365.705.741	144.000.000	509.705.741
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	143.333.333	-	143.333.333
Số cuối kỳ	81.899.179	-	81.899.179

12. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và Khai thác mỏ Vinavico ^(a)	986.325	11.457.565.000	858.850	8.588.500.000
Công ty CP Ứng dụng Công nghệ và CNC Việt Nam ^(b)	128.000	1.280.000.000	128.000	1.280.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Thông tin VINAVICO Infortech ^(c)	54.000	540.000.000	54.000	540.000.000
Công ty Cổ phần Năng lượng Vinavico ^(d)	255.000	2.550.000.000	220.000	2.200.000.000
Công ty CP Đầu tư sản xuất và thương mại Việt Nam ^(e)	240.000	2.400.000.000	120.000	1.200.000.000
Cộng		18.227.565.000		13.808.500.000

^(a) Trong kỳ Công ty đã mua thêm 162.015 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và Khai thác mỏ Vinavico với giá mua là 11.000 VND/01 cổ phiếu và 286.460 cổ phiếu với giá là 15.000đ/1 cổ phiếu; Công ty cũng bán 321.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và Khai thác mỏ Vinavico với giá bán bình quân trong kỳ là 44.844 VND/01 cổ phiếu. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty nắm giữ 986.325 cổ phiếu, tương đương 24,66% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và Khai thác mỏ Vinavico (số đầu năm là 858.850 cổ phiếu, tương đương 32,07% vốn điều lệ).

^(b) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Công ty đầu tư vào Công ty CP Ứng dụng Công nghệ và CNC Việt Nam số tiền là 1.280.000.000 VND, tương đương 40% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã đầu tư đủ vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH NGẦM

Địa chỉ: Tầng 11 tòa nhà Vinaconex 9, lô HH2, đường Phạm Hùng, Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

(c) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Thông tin VINAICO Infotech số tiền là 1.200.000.000 VND, tương đương 40% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã đầu tư là 540.000.000 VND, tương đương 20% vốn điều lệ. Vốn điều lệ còn phải đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Thông tin VINAICO Infotech là 660.000.000 VND.

(d) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Năng lượng Vinavico số tiền là 30.000.000.000 VND, tương đương 30% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã đầu tư là 2.550.000.000 VND, tương đương 2,55% vốn điều lệ. Vốn điều lệ còn phải đầu tư vào Công ty Cổ phần Năng lượng Vinavico là 27.450.000.000 VND.

(e) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Công ty đầu tư vào Công ty CP Đầu tư sản xuất và thương mại Việt Nam số tiền là VND, tương đương% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đầu tư là 2.400.000.000 VND, tương đương% vốn điều lệ. Vốn điều lệ còn phải đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư sản xuất và thương mại Việt Nam là VND.

13. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Đầu tư cổ phiếu	17.637.523.270	8.887.523.270
Công ty Cổ phần Đá trắng Yên Bình	8.100.000.000	-
Công ty Cổ phần khai thác đá Yên Bình	350.000.000	350.000.000
Công ty Cổ phần ĐT&PT Điện Miền Bắc 2	1.816.000.000	1.816.000.000
Công ty Cổ phần Vật liệu tự dính - SAS	6.721.523.270	6.721.523.270
Công ty Cổ phần Vinavico	650.000.000	-
Cho vay dài hạn	500.000.000	500.000.000
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Xây dựng Việt Nam	500.000.000	500.000.000
Cộng	18.137.523.270	9.387.523.270

14. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Kết chuyển vào chi phí SXKD trong kỳ	Số cuối kỳ
Công cụ, dụng cụ	2.615.991.529	5.448.903.410	1.981.937.323	6.082.957.616
Phí bảo lãnh thực hiện hợp đồng, bảo lãnh ứng vốn	733.847.111	479.657.088	777.620.285	435.883.914
Cộng	3.349.838.640	5.928.560.498	2.765.557.608	6.518.841.530

15. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	80.277.242.919	72.808.098.093
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Thăng Long	-	3.365.788.137
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	50.549.701.763	41.277.840.584
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Hoàng Quốc	-	3.871.522.920

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH NGẦM

Địa chỉ: Tầng 11 tòa nhà Vinaconex 9, lô HH2, đường Phạm Hùng, Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Việt		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong	29.727.541.156	24.292.946.452
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	14.389.000.000	353.780.000
Tổng Công ty xây dựng số 1	8.889.000.000	-
Công ty Cổ phần Vinavico	3.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Vitravico	1.000.000.000	-
Vay cá nhân	1.500.000.000	353.780.000
Vay dài hạn đến hạn trả	21.797.084.677	20.573.429.989
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	-	1.797.084.677
SGD Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	12.192.365.426	20.000.000.000
Cộng	106.858.608.345	94.958.962.770

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ ngắn hạn như sau:

	Vay ngắn hạn ngân hàng	Vay ngắn hạn tổ chức và cá nhân	Vay dài hạn đến hạn trả	Cộng
Số đầu năm	72.808.098.093	353.780.000	21.797.084.677	94.958.962.770
Số tiền vay phát sinh trong năm	80.277.242.919	21.389.000.000	-	101.666.242.919
Số tiền vay đã trả trong năm	(72.808.098.093)	(7.353.780.000)	(9.604.719.251)	(89.766.597.344)
Số cuối kỳ	80.277.242.919	14.389.000.000	12.192.365.426	106.858.608.345

16. Phải trả người bán

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các nhà thầu phụ về hoạt động xây lắp	82.738.194.477	93.121.970.656
Phải trả về cung cấp hàng hóa, dịch vụ	19.600.959.124	73.722.219.966
Cộng	102.339.153.601	166.844.190.622

17. Người mua trả tiền trước

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ban điều hành dự án Buôn Kuốp	964.122.281	964.122.281
Ban điều hành dự án Cửa Đạt	13.327.040.640	13.327.040.640
Ban điều hành dự án Nho Quế	12.914.716.955	14.490.892.955
Ban điều hành Trường Sơn (dự án SrêPok3)	-	68.649.100
Tổng Công ty Xây dựng số 1 - dự án Đắktìh	17.314.509.016	18.822.397.914
Công ty Cổ phần ĐT và PT Điện miền bắc 2	231.593.791	231.593.791
Ban Quản lý Dự án Thủy điện 6	10.239.379.606	10.239.379.606
Ban điều hành dự án Hòa Na	10.400.000.000	3.400.000.000
Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - ứng vốn dự án Hòa Na	3.113.212.937	3.113.212.937
Công ty CP Điện Vietracimex Lào Cai - Dự án	29.096.129.841	25.241.066.561

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH NGẦM

Địa chỉ: Tầng 11 tòa nhà Vinaconex 9, lô HH2, đường Phạm Hùng, Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tà Thành		
Ban Quản lý dự án Thủy điện 5 -Dự án Srêpok 3	27.408.783.002	-
Ban điều hành Thủy điện 1 - Dự án bản Chát	9.069.114.000	-
Công ty TNHH Cavico Việt Nam Xây dựng thủy điện	2.457.061.787	-
Cộng	136.535.663.856	89.898.355.785

18. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối kỳ
Thuế GTGT hàng bán nội địa	2.024.829.889	1.028.531.140	3.053.361.029	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	66.713.126	1.757.321.604	1.680.526.268	143.508.462
Thuế xuất, nhập khẩu	25.773.627	41.950.868	44.149.280	23.575.215
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.452.868.969	2.719.484.155	356.472.491	6.815.880.633
Thuế thu nhập cá nhân	62.964.811	67.056.444	-	130.021.255
Thuế môn bài	-	6.000.000	6.000.000	-
Cộng	6.633.150.422	5.620.344.211	5.140.509.068	7.112.985.565

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng hoạt động xây lắp theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Xem thuyết minh IV.11. Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:.

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	11.795.760.013
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu TNDN:	(917.823.395)
- Các khoản điều chỉnh tăng	9.031.126
+ <i>Chi phí do phạt chậm nộp thuế</i>	9.031.126
- Các khoản điều chỉnh giảm	(926.854.521)
+ <i>Tiền cổ tức, lợi nhuận được chia</i>	(926.854.521)
+ <i>Điều chỉnh giảm thu nhập khác theo Biên bản thanh tra việc chấp hành thuế năm 2008</i>	-
+ <i>Lỗi chênh lệch tỷ giá năm trước</i>	-
Tổng thu nhập chịu thuế	10.877.936.618
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp</i>	2.719.484.155
<i>Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm</i>	-

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH NGẦM

Địa chỉ: Tầng 11 tòa nhà Vinaconex 9, lô HH2, đường Phạm Hùng, Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
<i>trước</i>		
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành		2.719.484.155
Các loại thuế khác		
Công ty kê khai và nộp theo quy định.		
19. Chi phí phải trả		
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí lãi vay phải trả	2.696.091.164	1.206.873.227
Trích trước phí bảo lãnh tạm ứng vốn	70.094.147	-
Chi phí chưa hoàn chứng từ	6.315.884.448	196.044.430
Phí điều hành phải trả cho các dự án	2.414.947.462	1.634.053.667
Cộng	11.497.017.221	3.036.971.324
20. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	314.146.840	209.254.059
Bảo hiểm xã hội	326.509.247	260.677.599
Tiền nhận ủy thác đầu tư của ÔngHuệ vào Công ty Cổ phần Đá trắng Yên Bình	8.100.000.000	-
Phải trả, phải nộp khác	1.070.548.639	941.436.659
Cộng	9.811.204.726	1.411.368.317
21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		
Số đầu năm		297.998.275
Tăng do trích lập từ lợi nhuận trong kỳ		313.512.000
Chi quỹ trong năm		(203.846.000)
Số cuối kỳ		407.664.275
22. Phải trả dài hạn người bán		
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cavico Năng lượng	20.092.236.947	20.092.236.947
Công ty Cavico Giao thông	12.362.117.385	12.362.117.385
Công ty CP Bê tông và Xây dựng Vinaconex Xuân Mai	3.921.554.492	3.921.554.492
Cộng	36.375.908.824	36.375.908.824

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH NGẦM

Địa chỉ: Tầng 11 tòa nhà Vinaconex 9, lô HH2, đường Phạm Hùng, Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

23. Vay và nợ dài hạn

Là khoản vay dài hạn các ngân hàng, bao gồm:	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ngân hàng Thương mại cổ phần Quân đội - CN		
Hoàng Quốc Việt ^(a)	17.500.000.000	-
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam ^(b)	2.807.634.574	2.807.634.574
Cộng	20.307.634.574	2.807.634.574

(a) Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội – Chi nhánh Hoàng Quốc Việt để đầu tư 03 máy khoan hầm và 02 máy xúc bánh lốp theo hợp đồng kinh tế giữa Công ty Cổ phần Xây dựng công trình ngầm với Tổng Công ty Cổ phần thương mại xây dựng; thời hạn vay là 36 tháng. Tài sản thế chấp là toàn bộ máy móc thiết bị được đầu tư từ khoản vay này (tổng giá trị: 29.901.528.037 VND) và máy phun vẩy bê tông (có giá trị 4.173.373.932 VND).

(b) Khoản vay Sở giao dịch Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam để thực hiện Dự án đầu tư thiết bị thi công công trình Thủy điện Ngòi Phát, thời hạn vay là 48 tháng. Tài sản thế chấp là toàn bộ máy móc thiết bị hình thành từ dự án, toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi tại Ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác, các khoản thu theo các hợp đồng kinh tế với đối tác khác mà bên vay là người thụ hưởng.

Kỳ hạn thanh toán vay dài hạn ngân hàng

	Khoản (a)	Khoản (b)	Cộng
Từ 01 năm trở xuống		12.192.365.426	12.192.365.426
Trên 1 năm đến 5 năm	17.500.000.000	2.807.634.574	20.307.634.574
Tổng nợ	17.500.000.000	15.000.000.000	32.500.000.000

Chi tiết về số phát sinh vay dài hạn ngân hàng

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số kết chuyển	Số cuối kỳ
Khoản (a)	-	17.500.000.000	-	17.500.000.000
Khoản (b)	2.807.634.574		-	2.807.634.574
Cộng	2.807.634.574	17.500.000.000	-	20.307.634.574

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH NGẦM

Địa chỉ: Tầng 11 tòa nhà Vinaconex 9, lô HH2, đường Phạm Hùng, Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

24. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	48.850.000.000	46.045.240.000	(3.657.463.682)	-	2.944.815.641	1.002.579.750	9.797.414.268	104.982.585.977
Lợi nhuận năm trước							10.450.411.496	10.450.411.496
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện				(1.359.378.086)				(1.359.378.086)
Phân phối lợi nhuận năm trước					935.545.982	97.974.143	(1.131.494.268)	(97.974.143)
Chia cổ tức năm 2008							(8.665.920.000)	(8.665.920.000)
Số dư cuối năm trước	48.850.000.000	46.045.240.000	(3.657.463.682)	(1.359.378.086)	3.880.361.623	1.100.553.893	10.450.411.496	105.309.725.244
Số dư đầu năm nay	48.850.000.000	46.045.240.000	(3.657.463.682)	(1.359.378.086)	3.880.361.623	1.100.553.893	10.450.411.496	105.309.725.244
Lợi nhuận năm nay							9.076.275.858	9.076.275.858
Giảm chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện đầu năm				1.359.378.086				1.359.378.086
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện				(182.276.673)				(182.276.673)
Trích quỹ đầu tư phát triển					1.261.971.496		(1.261.971.496)	-
Trích quỹ dự phòng tài chính						104.504.000	(104.504.000)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi							(313.512.000)	(313.512.000)
Trích quỹ thưởng ban quản lý điều hành							(104.504.000)	(104.504.000)
Chia cổ tức năm 2009							(8.665.920.000)	(8.665.920.000)
Số dư cuối năm nay	48.850.000.000	46.045.240.000	(3.657.463.682)	(182.276.673)	5.142.333.119	1.205.057.893	9.076.275.858	106.479.166.515

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH NGẦM

Địa chỉ: Tầng 11 tòa nhà Vinaconex 9, lô HH2, đường Phạm Hùng, Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

Vốn điều lệ theo đăng ký	49.000.000.000
Vốn điều lệ đã đầu tư của chủ sở hữu đến 31/12/2009	48.850.000.000
Vốn điều lệ còn góp thiếu	150.000.000

Vốn điều lệ góp thiếu 150.000.000 đồng, tương ứng với 15.000 cổ phiếu, là số cổ phiếu quỹ thu hồi lại của các cổ đông. Hội đồng quản trị Công ty đã quyết định phân phối số cổ phiếu này nhằm đảm bảo đủ 1.900.000 cổ phiếu phát hành tăng vốn năm 2007 như chủ trương của Đại Hội đồng Cổ đông và Giấy phép đã cấp của UBCKNN. Tuy nhiên, theo Luật chứng khoán Công ty không được phép phân phối số cổ phiếu quỹ này, do đó Công ty phải điều chỉnh giảm vốn góp và thặng dư vốn trong năm 2008.

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vốn đầu tư của Nhà nước	15.000.000.000	15.000.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	33.850.000.000	33.850.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	46.045.240.000	46.045.240.000
Cổ phiếu quỹ	(3.657.463.682)	(3.657.463.682)
Cộng	91.237.776.318	91.237.776.318

Cổ tức

Cổ tức đã chi trả trong năm như sau:

Cổ tức năm 2009	8.665.920.000
-----------------	---------------

Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.900.000	4.900.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	4.885.000	4.885.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại	70.600	70.600
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	4.814.400	4.814.400

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH NGẦM

Địa chỉ: Tầng 11 tòa nhà Vinaconex 9, lô HH2, đường Phạm Hùng, Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ****1. Doanh thu**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa	17.565.048.563	7.250.963.148
Doanh thu hoạt động xây dựng	112.996.208.538	171.783.957.076
Cộng	130.561.257.101	179.034.920.224

2. Giá vốn hàng bán

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	17.975.927.950	6.319.108.560
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	94.797.685.225	156.054.929.402
Cộng	112.773.613.175	162.374.037.962

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	301.445.617	169.222.841
Cổ tức, lợi nhuận được chia	926.854.521	706.272.423
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	5.770.343	-
Lãi bán cổ phiếu	11.185.290.000	54.589.775
Cộng	12.419.360.481	930.085.039

4. Chi phí tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	9.381.974.831	5.144.542.350
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.448.161.467	85.568.376
Phí giao dịch bán cổ phiếu	35.759.048	-
Cộng	10.865.895.346	5.230.110.726

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	2.822.117.848	2.768.792.947
Chi phí vật liệu quản lý	195.249.261	112.558.107
Chi phí khấu hao TSCĐ	355.163.101	328.116.111
Thuế, phí và lệ phí	8.100.144	8.810.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.460.457.208	1.430.697.483
Chi phí bằng tiền khác	2.943.045.666	541.571.055
Cộng	7.784.133.228	5.190.545.703

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH NGẦM

Địa chỉ: Tầng 11 tòa nhà Vinaconex 9, lô HH2, đường Phạm Hùng, Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

6. Thu nhập khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập từ bán thanh lý tài sản	595.171.818	223.000.000
Khấu trừ lương của lao động vi phạm	22.000.000	-
Điều chỉnh theo Biên bản thanh tra việc chấp hành thuế năm 2008	-	733.300.916
Thu nhập khác	131.697.500	34.110.417
Cộng	748.869.318	990.411.333

7. Chi phí khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá trị còn lại tài sản cố định nhượng bán, thanh lý	501.054.012	115.293.679
Thuế VAT đầu vào không được khấu trừ	-	156.475.179
Lãi chậm trả theo thời hạn thanh toán của hợp đồng	-	154.659.776
Phạt do chậm nộp và vi phạm về thuế	9.031.126	18.571.713
Chi phí khác	-	233.000
Cộng	510.085.138	445.233.347

8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	8.641.219.263	4.683.739.715
Các khoản tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	8.641.219.263	4.683.739.715
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	4.814.400	4.814.400
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.794	972

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	4.814.400	4.814.400
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	-	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành trong năm	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	4.814.400	4.814.400

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH NGẦM

Địa chỉ: Tầng 11 tòa nhà Vinaconex 9, lô HH2, đường Phạm Hùng, Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	629.596.368	512.935.574
Phụ cấp	47.000.000	45.600.000
Cộng	676.596.368	558.535.574

Giao dịch với các bên liên quan khác

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Cổ phần XNK và Xây dựng Việt Nam	Cổ đông chính
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Hạ tầng Vinavico	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đầu tư, Xây dựng và Khai thác mỏ Vinavico	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Ứng dụng Công nghệ và CNC Việt Nam	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ thông tin Vinavico	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Năng lượng Vinavico	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đầu tư sản xuất và thương mại Việt Nam	Công ty liên kết

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
<i>Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Xây dựng Việt Nam</i>		
Tiền thuê văn phòng phải trả	115.831.800	328.892.850
Trả tiền thuê văn phòng	-	631.959.570
Thanh toán phụ phí	7.114.962.391	-
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Hạ tầng (Vinavico IDI)</i>		
Bán cổ phiếu của Công ty Vinavico IDI	-	9.782.140.000
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Khai thác mỏ (Vinavico Incom)</i>		
Xuất nhiên liệu cho Vinavico Incom	-	3.307.829.719
Nghiệm thu giá trị thầu phụ cho Vinavico Incom	34.545.829.197	16.643.074.736
Thuê máy Công ty Vinavico Incom	-	458.645.856
Khấu trừ tiền thuê máy với Vinavico Incom	-	340.304.988
Doanh thu xuất bán tài sản	340.909.091	-
Phải trả tiền lắp điện văn phòng	222.625.568	-
<i>Công ty Cổ phần Ứng dụng Công nghệ và CNC Việt Nam</i>		
Chuyển tiền hỗ trợ tài chính	1.000.000.000	
Phải trả tiền nhập ván khuôn, sửa chữa máy khoan cho Công ty Cổ phần Ứng dụng công nghệ và CNC Việt Nam	-	443.011.286

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH NGẦM

Địa chỉ: Tầng 11 tòa nhà Vinaconex 9, lô HH2, đường Phạm Hùng, Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Thông tin (Vinavico Infortech)		
Chi phí xây dựng Cổng thông tin điện tử	-	165.000.000
Nhập máy tính, tài sản cố định khác từ Công ty Vinavico Infortech	199.238.182	100.790.000
Chi phí lắp đặt mạng, internet văn phòng mới	556.968.843	-
Chi phí bảo trì máy tính năm 2010	43.800.000	-
Công ty Cổ phần Năng lượng (Vinavico Energy)		
Chuyển tiền góp vốn vào Vinavico Năng Lượng	350.000.000	250.000.000
Tạm ứng chi phí	627.714.086	-
Công ty Cổ phần Đầu tư sản xuất và thương mại Việt Nam		
Nhập máy xích bọc lốp	260.003.208	-
Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác như sau:		
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Xây dựng Việt Nam		
Chi phí thuê văn phòng	799.436.900	683.604.920
Công ty Cổ phần Đầu tư, Xây dựng và Khai thác mỏ (Vinavico Incom)		
Phải thu tiền bán vật tư, nhiên liệu, máy móc thiết bị	12.339.041.914	4.752.085.523
Công ty Cổ phần Ứng dụng Công nghệ và CNC Việt Nam		
Cho vay ngắn hạn	1.000.000.000	200.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Thông tin (Vinavico Infortech)		
Cho vay ngắn hạn	2.359.949.203	150.000.000
Phải thu tiền ứng trước hợp đồng	-	150.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư sản xuất và thương mại Việt Nam		
Phải thu tiền ứng trước hợp đồng	2.359.949.203	-
Công ty Cổ phần Đầu tư sản xuất và thương mại Việt Nam		
Phải thu tiền ứng trước hợp đồng	3.264.020.621	150.000.000
Công ty Cổ phần Năng lượng (Vinavico Energy)		
Phải thu về chi phí khảo sát, đánh giá tác động môi trường, chi phí lập DA ĐT Thác Cá	6.789.685.541	5.418.521.230
Chi phí tại BQL Dự án Thác Cá	3.404.659.000	3.404.659.000
	3.385.026.541	2.013.862.230
Cộng nợ phải thu	26.552.134.179	11.354.211.673
Tổng Công ty XNK Xây dựng Việt nam (Vinaconex)		
Phụ phí SRP phải trả	799.436.900	2.099.814.167
Tiền thuê văn phòng phải trả	-	1.760.721.317
	799.436.900	339.092.850

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH NGẦM

Địa chỉ: Tầng 11 tòa nhà Vinaconex 9, lô HH2, đường Phạm Hùng, Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Đầu tư sản xuất và thương mại Việt Nam	1.000.000.000	0
Tiền vay ngắn hạn phải trả		
Công ty Cổ phần Đầu tư, Xây dựng và Khai thác mỏ (Vinavico Incom)	28.208.286.343	17.383.518.100
Là khoản phải trả về khối lượng xây lắp hoàn thành		
Cộng nợ phải trả	33.007.723.243	19.483.332.267

2. Thay đổi chính sách kế toán

Năm 2010, trong phạm vi có liên quan, Công ty áp dụng các qui định tại Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp.

3. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh đầu năm được lấy theo Báo cáo tài chính năm 2009 đã được kiểm toán và số liệu so sánh cùng kỳ năm trước được lấy theo Báo cáo tài chính 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 soát xét bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C) tại Hà Nội.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lập, ngày 07 tháng 7 năm 2010

Tổng Giám đốc

Cao Thuý Hà

Nguyễn Huy Tường

Nguyễn Thanh Hoàn